

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
TRƯỜNG THCS VIỆT MỸ

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN TOÁN – LỚP 6
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Kết quả của phép nhân $5 \cdot 5 \cdot 5 \cdot 25$ dưới dạng lũy thừa là:

- A. 5^5 B. 5^4 C. 5^3 D. 5^6

Câu 2: Cho tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N} / 4 < x < 9\}$. Hãy viết tập hợp M bằng cách liệt kê các phần tử

- A. $M = \{4; 5; 6; 7; 8; 9\}$ B. $M = \{5; 6; 7; 8\}$ C. $M = \{4; 9\}$ D. $M = (4; 9)$

Câu 3: BCNN(12;15) là:

- A. 20 B. 30 C. 60 D. 120

Câu 4: Phân tích số 1800 ra thừa số nguyên tố ta được:

- A. $1800 = 2^2 \cdot 3^3 \cdot 5^2$ B. $1800 = 2^3 \cdot 3^3 \cdot 5^2$
C. $1800 = 2^2 \cdot 3^3 \cdot 5^2$ D. $1800 = 2^3 \cdot 3^2 \cdot 5^2$

Câu 5: Số nào sau đây chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9

- A. 3960 B. 3609 C. 9306 D. 6039

Câu 6: Tính $(-14) + 6 + (-12) = ?$

- A. 8 B. -20 C. 10 D. -8

Câu 7: Kết quả sắp xếp các số -4; -18; -2022; -2023 theo thứ tự tăng dần là:

- A. -2023; -2022; -18; -4 B. -2022; -2023; -18; -4
C. -18; -4; -2022; -2023 D. -4; -18; -2022; -2023

Câu 8: Hãy cho biết kết quả của tích hai số nguyên (-15) và 3

- A. -12 B. -45 C. -18 D. -5

Câu 9: Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào là sai

- A. Hình chữ nhật có 4 góc vuông bằng nhau, hai đường chéo bằng nhau.
B. Hình thang cân có 2 góc kề 1 đáy bằng nhau, hai đường chéo bằng nhau.
C. Hình thoi có 4 góc bằng nhau, 4 cạnh bằng nhau, hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
D. Hình bình hành có hai cạnh đối diện bằng nhau, hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 10: Học lực cuối HK1 của lớp 6A được thống kê trong bảng sau:

Học lực	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
Số học sinh	8	6	5	1

Em hãy cho biết lớp 6A có tổng cộng bao nhiêu học sinh?

- A. 18 B. 30 C. 10 D. 20

Câu 11: Một hình vuông có chu vi là 40cm. Diện tích của hình vuông này là

- A. 100cm^2 B. 1600cm^2 C. 20cm^2 D. 400cm^2

Câu 12: Một hình bình hành có đáy và chiều cao tương ứng là 1dm và 5cm. Diện tích hình này là:

- A. 5cm^2 B. 5dm^2 C. 50cm^2 D. 50dm^2

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7 điểm)**Câu 1:** (2 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $310 - 4.[17 + (-2)]$

b) $1000 : [50 + (7^2 - 8 \cdot 3) \cdot 2] + 2023^0$

Câu 2: (1 điểm) Tìm số nguyên x, biết:

a) $x + (-5) = 75$

b) $(-6) \cdot (x + 18) = 84$

Câu 3: (1 điểm) Có 145 quyển tập, 90 bút bi, 170 bút chì. Người ta chia vở, bút bi, bút chì thành các phần thưởng bằng nhau, mỗi phần gồm có 3 loại. Vậy chia nhiều nhất là bao nhiêu phần thưởng, mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển tập, bút bi, bút chì?**Câu 4:** (1 điểm) Cho biểu đồ sau:

Loại kem	Số học sinh yêu thích
Kem chuối	■ ■ ■
Kem sầu riêng	■ ■ ▲
Kem vani	■ ■ ■ ■ ▲
Kem sô cô la	■ ■ ■ ■ ■ ■
Kem dâu	■ ■ ■ ■ ■ ■ ■

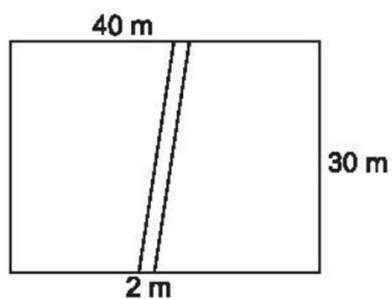
■ = 10 học sinh

▲ = 5 học sinh

Biểu đồ tranh ở trên cho ta thông tin về loại kem yêu thích của các bạn khối lớp 6.

a) Loại kem nào được các bạn học sinh khối 6 yêu thích nhiều nhất? Loại kem nào được yêu thích ít nhất?

b) Có bao nhiêu bạn yêu thích kem sô cô la ?

Câu 5: (1 điểm) Ông Nam sở hữu một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 30m, chiều dài là 40m. Ông Nam dự định làm lối đi hình bình hành rộng 2m (xem hình minh họa). Phần còn lại ông Nam trồng hoa. Hãy tính diện tích phần trồng hoa đó.**Câu 6:** (1 điểm) Một toà nhà có 12 tầng và 3 tầng hầm (tầng G được đánh số là tầng 0), hãy dùng phép cộng các số nguyên để diễn tả tình huống sau đây: Một thang máy đang ở tầng 3, nó đi lên 7 tầng và sau đó đi xuống 12 tầng. Hỏi cuối cùng thang máy dừng lại tại tầng mấy?

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I (2022 – 2023)
MÔN TOÁN LỚP 6

Thời gian làm bài : 90 phút (*không kể thời gian phát đề*)

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	C	D	A	B	A	B	C	D	A	C

PHẦN 2: TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Thang điểm
1	a) $310 - 4.[17 + (-2)]$ $= 310 - 4.15$ $= 310 - 60$ $= 250$ b) $1000 : [50 + (7^2 - 8 \cdot 3) \cdot 2] + 2023^0$ $= 1000 : [50 + 50] + 1$ $= 1000 : 100 + 1$ $= 10 + 1$ $= 11$	0.25 điểm 0.25 điểm 0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
2	a) $x + (-5) = 75$ $x = 75 - (-5)$ $x = 80$ b) $(-6).(x + 18) = 84$ $x + 18 = 84 : (-6)$ $x + 18 = -14$ $x = (-14) - 18$ $x = -32$	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
3	Số phần thưởng chia được nhiều nhất là ƯCLN(145; 90; 170) $ƯCLN(145; 90; 170) = 5$. Vậy chia được nhiều nhất 5 phần thưởng Số tập, bút bi, bút chì mỗi phần có là: $145 : 5 = 29$ (tập); $90 : 5 = 18$ (bút bi); $170 : 5 = 34$ (bút chì)	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
4	a) Loại kem được yêu thích nhất là kem dâu. Loại kem được yêu thích ít nhất là kem sô ri riêng. b) Có 60 bạn yêu thích kem sô cô la	0.5 điểm 0.5 điểm
5	Diện tích khu vườn hình chữ nhật của ông Nam là: $40.30 = 1200$ (m²) Diện tích lối đi hình bình hành là: $2.30 = 60$ (m²) Vậy diện tích phần trồng hoa là: $1200 - 60 = 1140$ (m²)	0.25 điểm 0.25 điểm 0.5 điểm

6	Thang máy đang ở tầng 3 đi lên 7 tầng và sau đó đi xuống 12 tầng sẽ đến: $3 + 7 + (-12) = 10 + (-12) = -2$. Nghĩa là lúc này thang máy đang ở tầng hầm thứ hai.	0.5 điểm 0.5 điểm
---	--	---------------------------------

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I (2022 – 2023)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	Số câu: 1 (Câu 2) Điểm: (0,25 đ)								
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên		Số câu: 1 (Câu 1b) Điểm: (1 đ)	Số câu: 1 (Câu 1) Điểm: (0,25 đ)						
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố Ước chung và bội chung ƯCLN, BCNN	Số câu: 1 (Câu 3) Điểm: (0,25 đ)		Số câu: 2 (Câu 4; 5) Điểm: (0,5 đ)			Số câu: 1 (Câu 3) Điểm: (1,0 đ)			
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên			Số câu: 1 (Câu 7) Điểm: (0,25 đ)						

		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Số câu: 2 (Câu 6; 8) Điểm: (0,5 đ)	Số câu:2 (Câu 2) Điểm: (1 đ)		Số câu: 1 (Câu 1a) Điểm: (1 đ)				Số câu: 1 (Câu 6) Điểm: (1 đ)	
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Số câu: 1 (Câu 11) Điểm: (0,25 đ)								
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	Số câu: 2 (Câu 9; 12) Điểm: (0,5 đ)					Số câu: 1 (Câu 5) Điểm: (1 đ)			
4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Phân tích và xử lí dữ liệu	Số câu: 1 (Câu 10) Điểm: (0,25 đ)			Số câu: 2 (Câu 4a, 4b) Điểm: (1,0 đ)					
Tổng: Số câu			8	2	4	3	0	2		1	20
Điểm			2	2	1	2		2		1	10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

Ghi chú: Tổng số tiết 34

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I (2022 – 2023)
MÔN TOÁN KHỐI 6

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	Nội dung 1: Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	1 TN (Câu 2)			
		Nội dung 2: Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. Thông hiểu: – Thực hiện được phép tính lũy thừa	1 TL (Câu 1b)	1 TN (Câu 1)		
		Nội dung 3: Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố Ước chung và bội chung	Nhận biết: – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. Thông hiểu: – Tìm được các ước và bội theo yêu cầu bài. Vận dụng: – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.	1 TN (Câu 3)	2 TN (Câu 4; 5)	1 TL (Câu 3)	

		Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Thông hiểu: – So sánh được các số nguyên cho trước.		1 TN (Câu 7)		
2	Số nguyên	Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Thông hiểu: - Thực hiện tìm x Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính.	2 TN (Câu 6; 8) 1 TL (Câu 2)	1 TL (Câu 1a)		1 TL (Câu 6)
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung 1: Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều và các tính chất của hình	1 TN (Câu 11)			

		Nội dung 2: Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	Nhận biết – Nhận dạng được Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân và các tính chất của hình Thông hiểu: – Tính được cạnh của khi có chu vi của hình Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích xung quanh của hình ghép	2 TN (Câu 9; 12)		1 TL (Câu 5)	
THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Phân tích và xử lý dữ liệu	Thông hiểu: – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê Vận dụng: – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh;	1 TN (Câu 10)	2 TL (Câu 4a; 4b)		